

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 241 /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 17 tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 4004/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Chế tạo cáp quang thông tin và dây nhảy quang (điều chỉnh)” tại Nhà xưởng kết cấu thép số 36, số 37 lô đất CN8, Khu công nghiệp An Dương, huyện An Dương;

Xét Văn bản số 21.11/CVMT ngày 21/11/2023 của Công ty TNHH Kỹ thuật Raylink về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 41/CVMT-RL ngày 04/01/2024 của Công ty TNHH Kỹ thuật Raylink về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án “Chế tạo cáp quang thông tin và dây nhảy quang” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Kỹ thuật Raylink, địa chỉ tại Nhà xưởng kết cấu thép số 36, số 37 lô đất CN8, KCN An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương,

thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Chế tạo cáp quang thông tin và dây nhảy quang” tại Nhà xưởng kết cấu thép số 36, số 37 lô đất CN8, KCN An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Chế tạo cáp quang thông tin và dây nhảy quang”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng kết cấu thép số 36, số 37 lô đất CN8, KCN An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0201990484 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 05/11/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/9/2022. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9878616590 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng nhận lần đầu ngày 01/11/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 26/9/2022.

1.4. Mã số thuế: 0201990484

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế tạo thiết bị đầu cuối mạng và thông tin.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: 7.958,88 m²

- Quy mô, công suất:

+ Sản phẩm cáp quang thông tin: 13.650 km/năm tương đương 1.864 tấn/năm.

+ Sản phẩm dây nhảy quang: 6.720.000 đầu/năm tương đương 2.516 tấn/năm

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Kỹ thuật Raylink:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Kỹ thuật Raylink có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 năm

(từ ngày 17 tháng 01 năm 2024 đến ngày 17 tháng 01 năm 2031).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: xã Hồng Phong, huyện An Dương;
- Công ty TNHH Kỹ thuật Raylink;
- Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.



**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~241~~.../GPMT-BQL ngày 15 tháng 04 năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH Kỹ thuật Raylink đã ký hợp đồng thuê nhà xưởng số M2-015 ngày 08/01/2020 với Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt (toàn bộ nước thải từ Công ty TNHH Kỹ thuật Raylink được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương do Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt làm chủ đầu tư).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại sau đó theo đường ống HDPE D200, độ dốc 0,5% cùng với nước rửa tay chân dẫn vào hố ga cuối của dự án trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung và tiếp tục xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương.

- Nước từ quá trình làm mát phát sinh từ công đoạn bọc cáp được giải nhiệt bởi tháp giải nhiệt Liangchi và tuần hoàn cho hoạt động sản xuất, không xả ra ngoài môi trường, định kỳ 01 năm/lần sẽ được thay thế. Nước sau khi thay thế được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải khu vệ sinh qua bể tự hoại + nước rửa tay chân → hố ga → hệ thống thoát nước thải chung của KCN → Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN An Dương.

- Công suất thiết kế: 04 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 10 m³/bể.

b. Đối với nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: nước làm mát có nhiệt độ cao (khoảng 40°C) được đưa đến tháp giải nhiệt để giảm nhiệt độ trong dòng nước thải xuống nhiệt độ tương ứng với nhiệt độ môi trường. Nước làm mát được tuần hoàn tái sử dụng, sau 12 tháng lượng nước này được xả đáy vào hệ thống thu gom vào thoát nước thải của KCN.

- Thông số kỹ thuật của công trình tháp giải nhiệt LBC-40:

+ Lưu lượng: 200m³/phút;

+ Dòng chảy: 520 lít/phút;

+ Kích thước: chiều cao x đường kính = 1.890x1820 (mm);

+ Công suất làm mát: 156.000 Kcal/Hr.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom và thoát nước thải.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của khu công nghiệp An Dương, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

2.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp An Dương để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *241*...../GPMT-BQL ngày *15* tháng *11* năm 2024 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 01: Khí thải từ công đoạn phủ nhựa bọc cáp (lắp đặt 02 hệ thống xử lý tương tự nhau để thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ 12 máy phủ nhựa bọc cáp);

+ Nguồn số 02: Khí thải từ công đoạn phủ màu sợi quang.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

+ Dòng khí thải số 01: Ống xả khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của 6 máy phủ nhựa bọc cáp (cụm 1); tọa độ: X(m)=2309935; Y(m)=584261.

+ Dòng khí thải số 02: Ống xả khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của 6 máy phủ nhựa bọc cáp (cụm 2); tọa độ: X(m)= 2309886; Y(m)=584303.

+ Dòng khí thải số 03: Ống xả khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của công đoạn phủ màu sợi quang; tọa độ: X(m)= 2309987; Y(m)=584302.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 50.500 m³/h

- Dòng khí thải số 01: 22.000 m³/h;

- Dòng khí thải số 02: 22.000 m³/h;

- Dòng khí thải số 03: 6.500 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường không khí qua ống thải, xả gián đoạn theo ca sản xuất.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ (Cột B; Kp = 0,9; Kv = 1) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Bụi	mg/Nm ³	180		

2	Lưu lượng	m^3/h	-	Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động bụi, khí thải theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	Etylen oxyt	mg/Nm^3	20		
4	Vinylclorua	mg/Nm^3	20		
5	Cyclohexanon	mg/Nm^3	400		
6	Phenol	mg/Nm^3	19		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn 01: Khí thải từ 12 máy phủ nhựa bọc cáp được 12 chụp hút thu gom về 02 hệ thống xử lý khí thải của quá trình phủ nhựa bọc cáp (mỗi hệ thống xử lý khí thải thu gom, xử lý cho 6 máy phủ nhựa bọc cáp).

- Nguồn 02: Khí thải từ khu vực máy phủ màu sợi quang được thu gom theo đường ống dẫn vào hệ thống xử lý khí thải của khu vực phủ màu sợi quang.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình:

+ Khí thải tại 6 máy phủ nhựa bọc cáp đầu xưởng 37 → 6 chụp hút → Ống hộp 450x450mm → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút (17.000-22.000 m³) → Ống thoát khí đầu xưởng 37 (OK1).

+ Khí thải tại 6 máy phủ nhựa bọc cáp cuối xưởng 37 → 6 Chụp hút → Ống hộp 450x450mm → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút (17.000-22.000 m³) → Ống thoát khí cuối xưởng 37 (OK2).

+ Khí thải từ khu vực máy phủ màu sợi quang → Ống hút khí → Ống hộp 300x300mm → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính → Quạt hút (4.500- 6.500 m³) → Ống thoát khí (OK3).

- Công suất thiết kế: 50.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (thay thế định kỳ 3 tháng/lần).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo người lao động nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPM-T-BQL ngày ... tháng ... năm
2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: từ hoạt động của hoạt động của dây chuyền sản xuất

- + Nguồn số 01: Khu vực máy phủ nhựa bọc cáp.
- + Nguồn số 02: Tại khu vực máy nén khí 1.
- + Nguồn số 03: Tại khu vực máy nén khí 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Tại khu vực máy phủ nhựa bọc cáp, tọa độ X (m) = 2309941, Y (m) = 584278.
- + Nguồn số 02: Tại khu vực máy nén khí 1. tọa độ X (m) = 2309891, Y (m) = 584347.
- + Nguồn số 03: Tại khu vực máy nén khí 2. tọa độ X (m) = 2309876, Y (m) = 584327.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi giờ 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../GPMT-BQL ngày ... tháng ... năm
2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	08 02 04	106
2	Bùn mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Bùn	08 02 02	0,53
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1,2
4	Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	22,8
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	19 02 06	139,3
6	Dầu thải	Lỏng	17 02 03	53,5
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa CTNH) thải	Rắn	18 01 02	106
8	Bao bì nhựa cứng (đã chứa CTNH) thải	Rắn	18 01 03	63,6
9	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	180201	116,6
10	Than hoạt tính, màng than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn	120104	8.590,4
Tổng lượng CTNH				9.199,93

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: sản phẩm lỗi, hỏng, bìa carton, cuộn nhựa phế liệu,... Tổng khối lượng: 170,73 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 40,32 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 7m²

- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông, gờ chống tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã CTNH, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Khu vực lưu chứa: 01 kho, diện tích 20 m²

- Thiết kế, cấu tạo: kho chứa chất thải thông thường đảm bảo đáp ứng quy định tại Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy 50 lít. Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực nhà văn phòng, khu nhà ăn;

- Khu vực lưu chứa: 01 khu vực lưu chứa có diện tích 23m²;

- Phân loại rác thải theo Quyết định 06/2023/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND thành phố: Chất thải sinh hoạt phải được phân loại tại nguồn, sau phân loại phải được lưu chứa trong các thùng riêng biệt, có dấu hiệu nhận biết loại chất thải hoặc theo các quy định hiện hành của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.



Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 241.../GPMT-BQL ngày 11... tháng 01... năm 2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.
 2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
 3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
 4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
-

